

Bản án số: 12/2020/HSST
Ngày: 27-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Huynh

Ông Nguyễn Đình Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 115/2019/TLST-HS ngày 09/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Đình H, sinh ngày 01/04/1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 11/18 M, phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng. Tạm trú: Số 48 đường H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn V và bà Phạm Thị Th; có vợ là Đỗ Thị Thanh L và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam: Ngày 01/08/2019 đến ngày 30/10/2019 thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Bùi Quốc T, sinh năm 1996 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 10/55 Nguyễn Đức C, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; Tạm trú: Số 80 đường N, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Doãn T và bà Đinh Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam: Ngày 01/08/2019 đến ngày 30/10/2019 thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho hai bị cáo: Ông Vũ Xuân Q, sinh năm 1959, là luật sư của Công ty Luật TNHH Một thành viên D; địa chỉ: Phòng 302, Tầng 3 toà nhà A, số 10, lô 2A, đường L, quận N, thành phố Hải Phòng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1984; địa chỉ: A3.10 chung cư A, đường P, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà; có đơn xin xét xử vắng mặt.
2. Trịnh Đức A, sinh năm 1982; địa chỉ: A3.10 chung cư A, đường P, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà; có đơn xin xét xử vắng mặt.
3. Nguyễn Tấn H, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.
4. Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1976; địa chỉ: Đường C, tổ 01, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.
5. Huỳnh Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 69 đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.
6. Hồ Thị C, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.
7. Lê Thị Mai Ph, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 1, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.
8. Đặng Thanh L, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 363/83 đường N, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.
9. Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn N 3, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.
10. Đỗ Hồng V, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 12, thôn Đ, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.
11. Trương Anh T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 208/16 đường H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.
12. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990; địa chỉ: Đội 15, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.
13. Trần Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.
14. Trần Thị X, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 5, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.
15. Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 15, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.
16. Trần Thị Th, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 01, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.
17. Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1951; địa chỉ: Số 18 đường C, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.
18. Võ Thành Đ, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 12, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.
19. Châu Lâm M, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 205/11/02 đường N, tổ 2, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

20. Đặng Thị Ân, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn A 1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

21. Lê T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T A, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

22. Nguyễn Hữu N, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 13, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

23. Võ Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 6, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

24. Nguyễn H, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 6, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

25. Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu dân cư 3B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

26. Nguyễn Tiến H, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 6, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

27. Nguyễn Thị Thục T, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 11, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

28. Phan Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 16, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

29. Tiêu Thị N, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 23, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

30. Trương Văn N, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 363/152 đường N, tổ 4, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

31. Mai Thị Hoàng P, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

32. Lý Thị Thu H, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

33. Phùng Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

34. Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 2, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

35. Hoàng Thị L, sinh năm 1986; địa chỉ: Đội 3, Thôn 4, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

36. Võ Thị Bích Th, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 161/6 đường N, tổ 4, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

37. Phạm Thị S, sinh năm 1979; địa chỉ: Đường N, Tổ 23, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 21/329 đường N, quận H, thành phố Hải Phòng, tạm trú: Số 48 đường H, phường T, thành phố Q, tỉnh

Quảng Ngãi; vắng mặt.

2. Phạm Tôn Ngọc T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 415 đường N, tổ 7, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 3/2019, Đặng Đình H và Bùi Quốc T đến thành phố Quảng Ngãi thuê 02 căn nhà số 80 đường N và số 48 đường H thuộc phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để sinh sống và hoạt động cho vay lãi suất cao đối với người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, trong đó H sử dụng nhà số 48 đường H làm địa điểm trực tiếp cho vay và lấy tiền góp hàng ngày do người dân đến liên hệ. Ngày 20/6/2019, H thuê Nguyễn Thanh T ở thành phố Hải Phòng vào ở cùng với H và làm những việc như coi nhà, nấu cơm cho H.

Trong quá trình cho người dân vay tiền, H phân công cho T có nhiệm vụ đi lấy tiền, nhận tiền góp ngày, lấy hồ sơ và chuyển hồ sơ vay ở quầy hàng của nhà xe P thuộc phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho Nguyễn Thị Lan A ở N, tỉnh Khánh Hòa, ngoài ra T còn đi lấy các tờ rơi tại cơ sở in trên đường Q, thành phố Q khi H yêu cầu. Đặng Đình H là người trực tiếp liên hệ với cơ sở in ấn ở đường Q, thành phố Q để in tờ rơi có nội dung là: “bốc hụi, góp ngày”; SĐT: 090352356 và là người trực tiếp nghe điện thoại mỗi khi có người điện thoại đến vay tiền, trực tiếp đưa tiền vay cho người vay và lấy tiền góp hàng ngày của những người vay tiền (tiền gốc và tiền lãi/01 ngày). Khi người vay có nhu cầu vay tiền thì gọi điện vào số máy có trên tờ rơi quảng cáo và trực tiếp đến số nhà 48 đường H, phường T, thành phố Q gặp H để vay tiền, lúc này H yêu cầu người vay phải cung cấp chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu bản chính hoặc 01 số giấy tờ tùy thân khác để làm thủ tục vay, lãi suất thỏa thuận bằng miệng, dao động từ 0,40%/ngày đến 1,14%/ngày (tương đương với 144%/năm đến 410,40%/năm), tiền góp hàng ngày do đối tượng H giữ.

Quá trình điều tra, theo danh bạ điện thoại người vay có tên và số điện thoại trong danh bạ điện thoại của H, T, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi xác định, trong thời gian từ năm 2018 đến ngày 31/7/2019, các bị can H, T đã cho 127 người vay tiền nhưng qua điều tra làm việc xác định được 32 người vay đã khai nhận vay của H, T với tổng cộng 77 lượt vay, với tổng số tiền cho vay là 951.000.000đ (chín trăm năm mươi một triệu đồng), lãi suất dao động từ 0,40%/ngày đến 1,14%/ngày, cao gấp từ 7 đến 20 lần lãi suất do Bộ luật dân sự năm 2015 quy định là 0,0548%/ngày (*Điều 468 - Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tức là không được vượt quá 0,0548%/ngày*).

Danh sách 32 người vay và các lần vay tiền của bị cáo H, T cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã làm việc được, cụ thể như sau:

1. Bà Huỳnh Thị H vay 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian vào ngày 20/7/2019, với lãi suất 0,67%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 3.600.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 600.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 49,315 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 550,685 đồng.

2. Bà Hồ Thị C vay 04 lần, với tổng số tiền vay là 42.000.000 đồng trong thời gian các tháng 2/2019, tháng 4/2019, tháng 6/2019, tháng 7/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 50.400.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 8.400.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 920.548 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.479.452 đồng.

3. Bà Lê Thị Mai Ph vay 1 lần, tổng tiền vay 15.000.000 đồng trong thời gian vào ngày 15/7/2019, với lãi suất 0,83%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 7.500.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.875.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 123,288 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.751,712 đồng.

4. Bà Phạm Thị Mỹ L vay 1 lần, tổng tiền vay 10.000.000 đồng trong thời gian vào ngày 21/6/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 219,178 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.780.822 đồng.

5. Ông Đặng Thanh L vay 02 lần, tổng tiền vay 30.000.000 đồng trong thời gian vào tháng 6/2019 và tháng 7/2019, với lãi suất 0,50%/ngày, tổng số tiền đã trả là 24.750.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 4.125.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 452,055 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.339.041 đồng.

6. Ông Đỗ Hồng V vay 05 lần, tổng tiền vay 50.000.000 đồng trong thời gian các tháng 3/2019, tháng 4/2019, tháng 6/2019, tháng 7/2019 và tháng 7/2019 với lãi suất 0,40%/ngày và 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 52.200.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 8.700.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 1.117.809 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.582.191 đồng.

7. Ông Trương Anh T vay 01 lần, tổng tiền vay 10.000.000 đồng trong thời gian vào ngày 19/7/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 600.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 65,753 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 534.247 đồng.

8. Ông Nguyễn Văn Th vay 02 lần, tổng tiền vay 10.000.000 đồng trong thời gian cuối tháng 6/2019 và trong tháng 7/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 8.250.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.375.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 150,685 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.224.315 đồng.

9. Bà Trần Thị H vay 1 lần, tổng tiền vay 30.000.000 đồng trong thời gian vào ngày 22/7/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 19.800.000

đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 3.300.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 361.644 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.938.356 đồng.

10. Bà Trần Thị X vay 6 lần, tổng tiền vay 280.000.000 đồng trong thời gian cuối năm 2018, đầu năm 2019, cuối tháng 2/2019, tháng 4/2019, tháng 6/2019, tháng 7/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 322.500.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 53.750.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 5.890,409 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 47.859.591 đồng.

11. Bà Nguyễn Thị T vay 03 lần, tổng tiền vay 30.000.000 đồng trong thời gian ngày 12/5/2019, ngày 2/6/2019 và ngày 21/6/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 26.700.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 4.450.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 487.671 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.962.329 đồng.

12. Bà Trần Thị Th vay 01 lần, tổng tiền vay 15.000.000 đồng trong thời gian vào ngày 8/6/2019 (âm lịch), với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 9.900.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.650.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 180.822 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.469.178 đồng.

13. Bà Nguyễn Thị Phương L vay 05 lần, tổng tiền vay 31.000.000 đồng trong thời gian trong năm 2019, với lãi suất 0,50%/ngày và 0,64%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 36.420.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 6.995.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 644,932 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 6.350.068 đồng.

14. Ông Võ Thành Đ vay 02 lần, tổng tiền vay 12.000.000 đồng trong thời gian ngày 18/6/2019 và tháng 7/2019, với lãi suất 0,50%/ngày và 0,36%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 9.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.375.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 167.123 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.207.877 đồng.

15. Bà Châu Lâm M vay 02 lần, tổng tiền vay 10.000.000 đồng trong thời gian tháng 6/2019 và tháng 7/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 10.350.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.725.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 189,041 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.535.959 đồng.

16. Bà Đặng Thị Â vay 03 lần, tổng tiền vay 25.000.000 đồng trong thời gian tháng 2/2019, tháng 3/2019 và tháng 4/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 21.600.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 3.600.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 394,520 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.205.480 đồng.

17. Ông Lê T vay 02 lần, tổng tiền vay 20.000.000 đồng trong thời gian tháng 5/2019 và tháng 6/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 20.400.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 3.400.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 372,603 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.027.397 đồng.

18. Ông Nguyễn Hữu N vay 02 lần, tổng tiền vay 10.000.000 đồng trong thời gian giữa tháng 6/2019 và giữa tháng 7/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng

số tiền đã trả là 7.500.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.250.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 136.986 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.113.014 đồng.

19. Bà Võ Thị L vay 02 lần, tổng tiền vay 14.000.000 đồng trong thời gian vào ngày 4/5/2019 và ngày 23/6/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 16.800.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.800.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 306,850 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.493.150 đồng.

20. Ông Nguyễn H vay 02 lần, tổng tiền vay 40.000.000 đồng trong thời gian đầu năm 2019 và tháng 5/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 48.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 8.000.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 876.712 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.123.288 đồng.

21. Ông Nguyễn Xuân Q vay 03 lần, tổng tiền vay 13.000.000 đồng trong thời gian tháng 3/2019, tháng 4/2019 và tháng 5/2019, với lãi suất 0,50%/ngày và 0,67%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 15.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.500.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 257.534 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.242.466 đồng.

22. Ông Nguyễn Tiến H vay 01 lần, tổng tiền vay 15.000.000 đồng trong thời gian tháng 7/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 5.850.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 975.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 106.849 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 868,151 đồng.

23. Bà Nguyễn Thị Thục T vay 01 lần, tổng tiền vay 10.000.000 đồng trong thời gian vào tháng 4/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 219,178 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.780.822 đồng.

24. Bà Phan Thị T vay 02 lần, tổng tiền vay 20.000.000 đồng trong thời gian năm 2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 18.600.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 3.100.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 339.726 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.760.274 đồng.

25. Bà Tiêu Thị N vay 05 lần, tổng tiền vay 25.000.000 đồng trong thời gian vào ngày 14/3/2019, ngày 24/4/2019, ngày 24/5/2019, ngày 25/6/2019 và ngày 19/7/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 25.500.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 4.250.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 465.753 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.784.247 đồng.

26. Ông Trương Văn N vay 01 lần, tổng tiền vay 10.000.000 đồng trong thời gian tháng 7/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 219.178 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.780.822 đồng.

27. Bà Mai Thị Hoàng P vay 01 lần, tổng tiền vay 5.000.000 đồng trong thời gian tháng 5/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 109.589 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 890.411 đồng.

28. Bà Lý Thị Thu H vay 02 lần, tổng tiền vay 14.000.000 đồng trong thời gian ngày 7/4/2019 và ngày 15/5/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 14.700.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.450.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 268.493 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.181.507 đồng.

29. Bà Phùng Thị T vay 08 lần, tổng tiền vay 120.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 5/2018 đến ngày 17/10/2018, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 142.650.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 23.775.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 2.605.479 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 21.169.521 đồng.

30. Bà Nguyễn Thị H vay 02 lần, tổng tiền vay 10.000.000 đồng trong thời gian tháng 6/2019 và tháng 7/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 219.178 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.780.822 đồng.

31. Bà Hoàng Thị L vay 02 lần, tổng tiền vay 10.000.000 đồng trong thời gian cuối năm 2018, với lãi suất 1,14%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 13.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 3.714.286 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 178.082 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.536.204 đồng.

32. Bà Phạm Thị S vay 01 lần, tổng tiền vay 5.000.000 đồng trong thời gian tháng 06/2019, với lãi suất 0,50%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 4.500.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 750.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 82.192 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 667.808 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Đặng Đình H và Bùi Quốc T đã cho 32 người vay là 951.000.000 đồng (*Chín trăm năm mươi một triệu đồng*), trong đó số tiền lãi đã thu là 168.484.290 đồng, số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự là 18.179.180 đồng, số tiền lãi vượt quá so với quy định của Bộ luật dân sự là 150.305.110 đồng.

Ngoài 32 người vay trên, số người vay còn lại có tên và số điện thoại trong danh bạ điện thoại của H, T. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không liên lạc được và không xác định được họ và tên, địa chỉ cụ thể của những người này nên không làm việc được, không có căn cứ buộc hai bị cáo phải chịu trách nhiệm về việc cho vay tiền này.

Đối với bà Nguyễn Thị Lan A là người làm thuê cho Đặng Đình H từ ngày 29/10/2018 với công việc là nhận, chuyển hồ sơ (sổ hộ khẩu, giấy khai sinh, chứng minh nhân dân) từ H chuyển vào cho Lan A tại địa chỉ A3.10 chung cư P, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và ngược lại. Bà Lan A không biết những hồ sơ trên H chuyển cho Lan A nhờ giữ hộ là những hồ sơ liên quan đến việc H cho vay lãi nặng mà có. Do đó, hành vi trên của bà A chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại điều 201 của Bộ luật hình sự.

Đối với ông Trịnh Đức A là chồng của bà Nguyễn Thị Lan A và cũng là người đưa số tài khoản ngân hàng cho bà Anh để Đặng Đình H trả tiền lương hàng tháng cho Nguyễn Thị Lan A, Trịnh Đức A không biết số tiền hàng tháng vợ mình nhận từ Đặng Đình H là tiền gì nên không có căn cứ xử lý đối với Trịnh Đức A.

Đối với Nguyễn Thanh T vào thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi từ ngày 20/6/2019 và làm thuê cho Đặng Đình H với công việc chính của Tùng là ở nhà nấu cơm, coi nhà tại địa chỉ 48 đường H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, không liên quan đến hoạt động cho vay của Đặng Đình H nên cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Quảng Ngãi không xử lý đối với Nguyễn Thanh T là phù hợp.

Đối với đối tượng Nguyễn Anh N mà Nguyễn Thị Lan A khai nhận là người nhận hồ sơ (sổ hộ khẩu, giấy khai sinh, CMND) từ Nguyễn Thị Lan A, cơ quan điều tra không xác định được nhân thân lai lịch của đối tượng Nghĩa, sẽ tiếp tục xác minh, khi nào làm việc được với Nghĩa sẽ đề nghị xử lý sau theo quy định pháp luật.

Đối với đối tượng Nguyễn Anh N mà T, H khai là người chỉ đạo hoạt động cho vay lãi nặng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhưng sau đó hai bị cáo khai do sợ tội nặng nên khai không chính xác chứ không có ai chỉ đạo hay giúp sức cho hai bị cáo trong việc cho vay lãi nặng. Qua xác minh tại phường Đăng Giang, quận N thành phố H thì không có người nào tên Nguyễn Anh N (có lai lịch như trên) sinh sống và cư trú tại địa chỉ trên. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi không tiến hành làm việc được với Nguyễn Anh N, sẽ tiếp tục xác minh, khi nào làm việc được với Nguyễn Anh N đề nghị xử lý sau theo quy định pháp luật.

Bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 06/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố bị cáo Đặng Đình H, Bùi Quốc T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với hai bị cáo (đối với bị cáo T đã tham gia nghĩa vụ quân sự nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự), đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo H, T mỗi bị cáo từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền vốn mà các bị cáo đã cho vay là 951.000.000 đồng là số tiền dùng làm phương tiện phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, tính đến thời điểm các bị cáo bị phát hiện hành vi phạm tội, số tiền vốn mà các bị cáo đã cho vay mới thu hồi được 823.985.710 đồng. Do đó, áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều

106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên truy thu số tiền 823.985.710 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền lãi pháp luật cho phép là 18.179.180 đồng là số tiền phát sinh từ việc phạm tội mà có nên đề nghị tuyên truy thu từ hai bị cáo H, T để nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền gốc còn lại những người vay chưa trả đủ là 127.014.290 đồng, đề nghị tuyên buộc những người vay chưa trả đủ số tiền gốc phải nộp lại sung vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Đối với số tiền 150.305.110 đồng là tiền thu lãi vượt quá quy định cho phép, áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự, Điều 48 Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên buộc các bị cáo trả lại cho những người vay.

Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (đã qua sử dụng), 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu hồng (đã qua sử dụng), 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, có sim bên trong máy số 0904182132 (đã qua sử dụng), 01 (một) điện thoại di động Samsung (đã qua sử dụng), 03 (ba) điện thoại di động Nokia, màu đen (đã qua sử dụng), 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đen trắng, biển số: 76E1 – 03917, số máy 585172, số khung 585169; các tài sản trên hai bị cáo đã sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.820.000 đồng tiền lãi thu giữ của hai bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Ý kiến của người bào chữa cho hai bị cáo: Thống nhất với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh truy tố đối với hai bị cáo. Tuy nhiên, xét trong vụ án này bản chất là quan hệ giao dịch dân sự giữa bên vay và bên cho vay, việc bị cáo H cho vay tiền với lãi suất vượt quá quy định của Bộ luật dân sự do không biết được quy định của pháp luật, thiếu hiểu biết nên hai bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hai bị cáo nghĩ rằng giao dịch cho vay từ sự tự nguyện của người vay với lãi suất theo thỏa thuận và người vay đồng ý, không có sự ép buộc hay bất cứ hành vi nào buộc người vay phải thực hiện giao dịch vay trái ý muốn của họ nên hợp pháp. Bị cáo H do không có việc làm ổn định, vợ chồng ly thân phải nuôi con nhỏ nên đã vay mượn tiền để có nguồn vốn cho người khác vay lại lấy tiền lãi sinh sống nhưng nay số tiền cho vay đã không còn, gia đình hết sức khó khăn. Bị cáo T không góp vốn cùng H, không được ăn chia lợi nhuận gì chỉ được H trả tiền công để nhờ thu tiền lãi của người vay giúp H nên T không lường trước được hậu quả như hôm nay. Thời gian thực hiện việc cho vay của hai bị cáo rất ngắn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo đã nhận thức hành vi sai trái của bản thân, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, nhân thân đều chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo T đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt hai bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Các bị cáo Đặng Đình H, Bùi Quốc T là những công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bản thân các bị cáo phải nhận thức được việc cho vay lãi nặng với mức lãi suất từ 0,40%/ngày đến 1,14%/ngày, cao gấp từ 7 đến 20 lần lãi suất do Bộ luật dân sự năm 2015 quy định là 0,0548%/ngày (*Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tức là không được vượt quá 0,0548%/ngày*) để thu tiền lãi cao hưởng lợi bất chính là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân hai bị cáo đã cùng thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với các người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, với phương thức khi người vay có nhu cầu vay tiền thì gọi điện vào số máy có trên tờ rơi quảng cáo và trực tiếp đến số nhà 48 Huỳnh Công T, phường T, thành phố Q gặp Đặng Đình H để vay tiền, người vay cung cấp chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu bản chính hoặc 01 số giấy tờ tùy thân khác để làm thủ tục vay và phải trả lãi cao theo mức lãi suất bị cáo H đưa ra từ 0,40%/ngày đến 1,14%/ngày, phương thức trả gốc, lãi ấn định theo ngày, thời hạn vay không quá 40 ngày.

Lời khai của bị cáo H, T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của 32 người vay tiền từ hai bị cáo, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, xác định được: Trong khoảng thời gian ngắn từ tháng 3/2019 đến ngày 31/07/2019 bị cáo H, T đã thực hiện các giao dịch dịch dân sự với 32 người vay gồm các ông, bà Huỳnh Thị H, bà Hồ Thị C, bà Lê Thị Mai Ph, bà Phạm Thị Mỹ L, ông Đặng Thanh L, ông Đỗ Hồng V, ông Trương Anh T, ông Nguyễn Văn Th, bà Trần Thị H, bà Trần Thị X, bà Nguyễn Thị Tuyên, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị Phương L, ông Võ Thành Đ, bà Châu Lâm M, bà Đặng Thị Â, ông Lê T, ông Nguyễn Hữu N, bà Võ Thị L, ông Nguyễn H, ông Nguyễn Xuân Q, ông Nguyễn Tiến H, bà Nguyễn Thị Thục T, bà Phan Thị T, bà Tiêu Thị N, ông Trương Văn N, bà Mai Thị Hồng P, bà Lý Thị Thu H, bà Phùng Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Hoàng Thị L, bà Phạm Thị S với tổng cộng 77 lượt vay, tổng số tiền cho vay là 951.000.000 đồng (*Chín trăm năm mươi một triệu đồng*), tổng số tiền lãi đã thu là 168.484.290 đồng (*một trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi nghìn đồng*), trong đó số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự là 18.179.180 đồng (*mười tám triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, một trăm tám mươi đồng*), số tiền lãi vượt quá so với quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo H, T thu lợi bất chính từ người vay là 150.305.110 đồng (*một trăm năm mươi triệu, ba trăm lẻ năm nghìn, một trăm mười đồng*).

Trong vụ án Đặng Đình H là người có vai trò chính, khởi xướng rủ Bùi Quốc T cùng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo H là người tự quản lý nguồn vốn cho vay, định đoạt việc người được vay tiền, sử dụng nơi tạm trú của mình làm địa điểm cho vay và lấy tiền vay, trực tiếp liên hệ để in thông tin quảng cáo việc

cho vay tiền. Bị cáo Bùi Quốc T nhận biết việc H cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, mặc dù bị cáo không góp vốn, không được ăn chia lợi nhuận nhưng bị cáo vẫn đồng tình làm người giúp sức cho H, được H phân công đi nhận tiền góp hàng ngày, lấy các tờ quảng cáo tại các cơ sở in khi H có yêu cầu, được H trả lương hàng tháng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hậu quả chung do đồng phạm gây ra. Do đó, với các hành vi nêu trên của hai bị cáo, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Đặng Đình H, Bùi Quốc T đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo H, T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn vì phải trả lãi suất quá cao, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Do đó, cần xét xử hai bị cáo hình phạt nghiêm minh, cách ly hai bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe giáo dục hai bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Bị cáo H, T nhiều lần thực hiện hành vi cho vay lãi nặng mà tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần phạm tội từ 100.000.000 đồng trở lên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội từ hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, hai bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xác định là đồng phạm có tổ chức.

[5] Về nhân thân hai bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (bị cáo T tham gia nghĩa vụ quân sự xuất ngũ năm 2018 nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối bị cáo T).

[6] *Về xử lý vật chứng:*

Cơ quan điều tra đã trả lại các loại giấy tờ thu giữ của hai bị cáo như: Chứng minh nhân dân, giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn... cho những người đã vay tiền từ hai bị cáo nhận lại (là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án).

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã trả lại những tài sản, giấy tờ không liên quan đến vụ án cho Bùi Quốc T: 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2, 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Bùi Quốc T, 01 (một) căn cước công dân mang tên Bùi Quốc T, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng, bên trong máy có sim số điện thoại 0782000100 (đã qua sử dụng).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu hồng, 01(một) điện

thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, có sim bên trong máy số 0904182132, 01 (một) điện thoại di động Samsung, 03 (ba) điện thoại di động Nokia, màu đen (đều đã qua sử dụng); các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đen trắng, biển số 76E1 – 03917, số máy 585172; số khung 585169 do ông Nguyễn Tùng đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ông Nguyễn T (chết) nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố không làm việc được với ông Nguyễn T. Tại phiên tòa anh Nguyễn Tấn H (con trai ông Nguyễn T) khai chiếc xe mô tô trên ông Nguyễn T đã bán cho một tiệm xe máy cũ trên địa bàn thành phố Q (không nhớ địa chỉ cụ thể) với số tiền 3.500.000 đồng nên không còn quyền lợi gì liên quan đến chiếc xe trên. Bị cáo khai tháng 11/2018 Đặng Đình H mua lại chiếc xe trên tại một tiệm xe máy cũ trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi (không rõ địa chỉ) để làm phương tiện đi lại và đi cho vay tiền. Đây là phương tiện mà các bị cáo Đặng Đình H, Bùi Quốc T sử dụng làm phương tiện trong quá trình cho vay tiền liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.820.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ của hai bị cáo (do hai bị cáo đã thu từ những người vay tiền) để đảm bảo thi hành án.

- Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền vốn 823.985.710 đồng, hai bị cáo đã dùng làm công cụ, phương tiện thực hiện phạm tội.

- Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền lãi hai bị cáo đã thu của những người vay trong mức pháp luật cho phép là 18.179.180 đồng, đây là số tiền phát sinh từ việc phạm tội mà có.

- Buộc hai bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính đã thu của người vay vượt mức lãi suất quy định với tổng số tiền là 150.305.110 đồng, gồm những người sau đây: Bà Huỳnh Thị H 550.685 đồng; bà Hồ Thị C 7.479.452 đồng; bà Lê Thị Mai Ph 1.751.712 đồng; bà Phạm Thị Mỹ L 1.780.822 đồng; ông Đặng Thanh L 3.672.945 đồng; ông Đỗ Hồng V 1.082.192 đồng; ông Trương Anh T 534.247 đồng; ông Nguyễn Văn Th 1.224.315 đồng; bà Trần Thị H 2.938.356 đồng; bà Trần Thị X 36.609.591 đồng; bà Nguyễn Thị Tuyền 4.408.904 đồng; bà Trần Thị Th 1.496.178 đồng; bà Nguyễn Thị Phương L 4.775.068 đồng; ông Võ Thành Đ 1.207.877 đồng; bà Châu Lâm M 1.535.959 đồng; bà Đặng Thị A 3.205.479 đồng; ông Lê T 3.027.397 đồng; ông Nguyễn Hữu N 1.113.014 đồng; bà Võ Thị L 2.493.151 đồng; ông Nguyễn H 7.123.288 đồng; ông Nguyễn Xuân Q 1.742.466 đồng; ông Nguyễn Tiến H 868.151 đồng; bà Nguyễn Thị Thục T 1.780.822 đồng; bà Phan Thị T 3.962.329 đồng; bà Tiêu Thị N 3.784.247 đồng; ông Trương Văn N 1.780.822 đồng; bà Mai Thị Hồng P 890.411 đồng; bà Lý Thị Thu H 2.181.507 đồng; bà Phùng Thị T 21.169.521 đồng; bà Nguyễn Thị H 1.780.822 đồng; bà Hoàng Thị L 3.536.204 đồng và bà Phạm Thị S 667.808 đồng.

- Buộc những người vay phải nộp tổng số tiền 127.014.290 đồng số tiền vốn chưa trả đủ cho hai bị cáo để nộp ngân sách nhà nước, cụ thể mỗi người phải nộp

như sau: Bà Huỳnh Thị H 7.000.000 đồng; bà Lê Thị Mai Ph 9.375.000 đồng; ông Đặng Thanh L 9.375.000 đồng; ông Đỗ Hồng V 6.500.000 đồng; ông Trương Anh T 7.600.000 đồng; ông Nguyễn Văn Th 3.125.000 đồng; bà Trần Thị H 13.500.000 đồng; bà Trần Thị X 11.250.000 đồng; bà Nguyễn Thị Tuyền 7.750.000 đồng; bà Trần Thị Th 6.750.000 đồng; bà Nguyễn Thị Phương L 1.575.000 đồng; ông Võ Thành Đ 4.375.000 đồng; bà Châu Lâm M 1.375.000 đồng; bà Đặng Thị A 7.000.000 đồng; ông Lê T 3.000.000 đồng; ông Nguyễn Hữu N 3.750.000 đồng; ông Nguyễn Xuân Q 500.000 đồng; ông Nguyễn Tiến H 10.125.000 đồng; bà Phan Thị T 4.500.000 đồng; bà Tiêu Thị N 3.750.000 đồng; bà Lý Thị Thu H 1.750.000 đồng; bà Phùng Thị T 1.125.000 đồng; bà Hoàng Thị L 714.286 đồng và bà Phạm Thị S 1.250.000 đồng.

[7] Do hoàn cảnh kinh tế của hai bị cáo hiện nay khó khăn bị áp dụng biện pháp tư pháp tịch thu sung quỹ nhà nước toàn bộ số tiền gốc, lãi do giao dịch dân sự không hợp pháp nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt tù, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp đối với bị cáo H, T là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Về mức hình phạt xét xử hai bị cáo mức thấp hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát cũng đảm bảo tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội hai bị cáo đã thực hiện.

[9] Đối với ý kiến của người bào chữa cho hai bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các bị cáo Đặng Đình H, Bùi Quốc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch tính trên tổng số tiền phải trả lại cho người vay là 7.515.255 đồng, (150.305.110 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Đình H phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Đình H 7 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/08/2019 đến ngày 30/10/2019.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 58, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Quốc T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Quốc T 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/08/2019 đến ngày 30/10/2019.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu hồng, 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, 01 (một) điện thoại di động Samsung, 03 (ba) điện thoại di động Nokia, màu đen (đều đã qua sử dụng), các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đen trắng, biển số 76E1 – 03917, số máy 585172, số khung 585169. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với vật chứng được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/02/2020 giữa cơ quan điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.820.000 đồng (Hai triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng) cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo Đặng Đình H, Bùi Quốc T, đã được Công an thành phố Quảng Ngãi nộp vào tài khoản số 3949.0.9043031.00000 tại Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 07/02/2020 để đảm bảo thi hành án.

- Buộc các bị cáo Đặng Đình H, Bùi Quốc T chịu trách nhiệm liên đới nộp lại số tiền vốn 823.985.710 đồng (Tám trăm hai mươi ba triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm mười nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Buộc các bị cáo Đặng Đình H, Bùi Quốc T phải chịu trách nhiệm liên đới nộp lại số tiền lãi 18.179.180 đồng (Mười tám triệu, một trăm bảy chín nghìn, một trăm tám mươi đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Buộc các bị cáo Đặng Đình H, Bùi Quốc T phải chịu trách nhiệm liên đới trả lại số tiền thu lợi bất chính với tổng số tiền là: 150.305.110 đồng (Một trăm năm mươi triệu, ba trăm lẻ năm nghìn, một trăm mười đồng), cụ thể trả cho những người sau đây: Bà Huỳnh Thị H 550.685 đồng; bà Hồ Thị C 7.479.452 đồng; bà Lê Thị Mai Ph 1.751.712 đồng; bà Phạm Thị Mỹ L 1.780.822 đồng; ông Đặng Thanh L 3.672.945 đồng; ông Đỗ Hồng V 1.082.192 đồng; ông Trương Anh T 534.247 đồng; ông Nguyễn Văn Th 1.224.315 đồng; bà Trần Thị H 2.938.356 đồng; bà Trần Thị X 36.609.591 đồng; bà Nguyễn Thị Tuyền 4.408.904 đồng; bà Trần Thị Th 1.496.178 đồng; bà Nguyễn Thị Phương L 4.775.068 đồng; ông Võ Thành Đ 1.207.877 đồng; bà Châu Lâm M 1.535.959 đồng; bà Đặng Thị Á 3.205.479 đồng; ông Lê T 3.027.397 đồng; ông Nguyễn Hữu N 1.113.014 đồng; bà Võ Thị L 2.493.151 đồng; ông Nguyễn H7.123.288 đồng; ông Nguyễn Xuân Q 1.742.466 đồng; ông Nguyễn Tiến H 868.151 đồng; bà Nguyễn Thị Thục T 1.780.822 đồng; bà Phan Thị T 3.962.329 đồng; bà Tiêu Thị N 3.784.247 đồng; ông Trương Văn N 1.780.822 đồng; bà Mai Thị Hồng P 890.411 đồng; bà Lý Thị Thu H 2.181.507 đồng; bà Phùng Thị T 21.169.521 đồng; bà Nguyễn Thị H 1.780.822 đồng; bà Hoàng Thị L 3.536.204 đồng và bà Phạm Thị S 667.808 đồng.

- Buộc những người vay phải nộp số tiền vốn là 127.014.290 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu, không trăm mười bốn nghìn, hai trăm chín mươi đồng)

chưa trả đủ cho hai bị cáo để nộp ngân sách nhà nước, cụ thể mỗi người phải nộp như sau: Bà Huỳnh Thị H 7.000.000 đồng; bà Lê Thị Mai Ph 9.375.000 đồng; ông Đặng Thanh L 9.375.000 đồng; ông Đỗ Hồng V 6.500.000 đồng; ông Trương Anh T 7.600.000 đồng; ông Nguyễn Văn Th 3.125.000 đồng; bà Trần Thị H 13.500.000 đồng; bà Trần Thị X 11.250.000 đồng; bà Nguyễn Thị Tuyền 7.750.000 đồng; bà Trần Thị Th 6.750.000 đồng; bà Nguyễn Thị Phương L 1.575.000 đồng; ông Võ Thành Đ 4.375.000 đồng; bà Châu Lâm M 1.375.000 đồng; bà Đặng Thị Á 7.000.000 đồng; ông Lê T 3.000.000 đồng; ông Nguyễn Hữu N 3.750.000 đồng; ông Nguyễn Xuân Q 500.000 đồng; ông Nguyễn Tiến H 10.125.000 đồng; bà Phan Thị T 4.500.000 đồng; bà Tiêu Thị N 3.750.000 đồng; bà Lý Thị Thu H 1.750.000 đồng; bà Phùng Thị T 1.125.000 đồng; bà Hoàng Thị L 714.286 đồng; và bà Phạm Thị S 1.250.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Đặng Đình H, Bùi Quốc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đặng Đình H, Bùi Quốc T cùng phải chịu 7.515.255 đồng (Bảy triệu, năm trăm mười lăm nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CATP Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CATP Quảng Ngãi;
- Công an thành phố Quảng Ngãi;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Mai Hạnh

